

Số: 1243/2022/QĐST-VHNGĐ

Biên Hòa, ngày 04 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ khoản 2 Điều 396; khoản 4 Điều 397; khoản 2 Điều 149; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 11 và 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58 và 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 1800/2022/TLST-VHNGĐ ngày 22/6/2022, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận về tài sản chung, nợ chung khi ly hôn” giữa:

Người yêu cầu:

1. Ông Trần Văn Th, sinh năm 1984.

2. Bà Trương Thị Th1, sinh năm 1986.

Cùng địa chỉ: 389/3, khu phố Kh, phường Ph, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn Th và bà Trương Thị Th1 xây dựng gia đình năm 2011, trên cơ sở cả hai tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không còn hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không còn tôn trọng, tin tưởng lẫn nhau. Mặc dù cả hai đã cố gắng hàn gắn để tiếp tục duy trì hạnh phúc gia đình nhưng cho đến nay mâu thuẫn vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được mà ngày càng trở nên trầm trọng. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng cả ông Th và bà Th1 vẫn không thể tìm được tiếng nói chung và xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn để trả tự do cho nhau.

Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Trần Văn Th và bà Trương Thị Th1.

[2] Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng, ông Th và bà Th1 chưa có con nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Ông Th và bà Th1 xác định là không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông Th và bà Th1 xác định là không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[4] Về lệ phí VHNGĐ-ST: Ông Th và bà Th1 tự nguyện nộp mỗi người 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nên được ghi nhận.

[5] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 24 tháng 6 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn Th và bà Trương Thị Th1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về lệ phí VHNGĐ-ST: Ông Trần Văn Th và bà Trương Thị Th1 tự nguyện nộp mỗi người 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí Việc hôn nhân gia đình sơ thẩm, được căn trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí ông Th và bà Th1 đã nộp tại biên lai thu số 0003297 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Chi cục thi hành án Dân sự TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- UBND nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thành Tân